

# BÀN VỀ XỬ LÝ TÀI SẢN THAM NHŨNG THEO CÔNG ƯỚC CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CHỐNG THAM NHŨNG

PHẠM THỊ THU HIỀN\*  
PHẠM NGUYỄN HỒNG\*\*

Thu hồi tài sản, phương tiện, công cụ có được hoặc có liên quan đến tội phạm tham nhũng là một mục đích quan trọng; là nguyên tắc căn bản của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (sau đây gọi tắt là Công ước). Theo đó, Công ước quy định các biện pháp toàn diện nhằm tăng cường hiệu quả thu hồi tài sản có được do hành vi tham nhũng, bao gồm các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp và các biện pháp thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế.

*Từ khóa: Thu hồi tài sản tham nhũng; Công ước về chống tham nhũng; tài sản do phạm tội mà có.*

*Nhận bài: 25/9/2019; biên tập xong: 26/9/2019; duyệt bài: 03/10/2019.*

Chế định thu hồi tài sản tham nhũng được quy định tại Chương V của Công ước từ Điều 51 đến Điều 59 với 26 yêu cầu mang tính bắt buộc và 14 yêu cầu mang tính tùy nghi, khuyến nghị, được chia thành 03 nhóm quy định: (1) Nhóm những quy định chung mang tính nguyên tắc về thu hồi tài sản tham nhũng; (2) Nhóm những quy định chung về phòng ngừa, phát hiện việc chuyển tài sản tham nhũng; (3) Nhóm những quy định chung về các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp, cơ chế thù tục và điều kiện hợp tác quốc tế trong tịch thu, trả lại và định đoạt tài sản tham nhũng.

## 1. Phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản do phạm tội mà có

### 1.1. Yêu cầu của Công ước

Điều 14 Công ước đã quy định các biện pháp phòng ngừa chung mà các quốc gia thành viên cần áp dụng nhằm ngăn chặn các hành vi tẩy rửa tiền, tài sản do phạm tội mà có, giúp tăng khả năng kiểm soát và thu hồi các tài sản đó.

Cùng với đó, Điều 52 Công ước quy định

\* Thạc sĩ, Phó Viện trưởng Viện chiến lược và khoa học thanh tra.

\*\* Giảng viên Khoa Cảnh sát ma túy, Học viện Cảnh sát nhân dân.

các biện pháp cụ thể nhằm phòng ngừa và phát hiện việc chuyển tài sản do phạm tội mà có. Các biện pháp này bao gồm: Yêu cầu các tổ chức tài chính kiểm tra nhận dạng khách hàng, chủ sở hữu được hưởng lợi của các khoản tiền được gửi trong các tài khoản có giá trị lớn, tổ chức kiểm soát kỹ các tài khoản muốn được mở, duy trì nhân danh hoặc có liên quan đến những cá nhân đang hoặc đã giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước hoặc người có liên quan đến họ. Các biện pháp này được áp dụng một cách hợp lý để phát hiện và báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về các giao dịch đáng ngờ nhưng không được hiểu các biện pháp này cản trở hoặc ngăn cấm các tổ chức tài chính giao dịch với khách hàng hợp pháp.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi các biện pháp nói trên, khoản 2 Điều 52 Công ước quy định các quốc gia thành viên, căn cứ vào pháp luật quốc gia và được khởi xướng bởi các sáng kiến tương ứng của các tổ chức chống rửa tiền của khu vực, liên khu vực và đa phương, phải thực hiện: (a) Quy định loại thể nhân, pháp nhân mà tài khoản của họ có thể bị xem xét kỹ lưỡng bởi các tổ chức tài chính có thẩm quyền, loại tài khoản và giao dịch cần được chú ý đặc biệt và quy trình mở, duy trì, lưu giữ thông tin đối với loại tài khoản giao dịch này; (b) thông báo cho các tổ chức tài chính nhân dạng của thể nhân hoặc pháp nhân mà tài khoản cần phải được xem xét kỹ, ngoài các thể nhân hoặc pháp nhân tự thân các tổ chức tài chính đã nhận dạng.

Nhằm tăng cường tối đa khả năng kiểm soát việc chuyển tiền và tài sản do phạm tội mà có, nội dung khoản 4 Điều 52 của Công ước quy định các quốc gia thành viên *phải* thi hành các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa sự thành lập các ngân hàng "ma".

*không phải là thành viên của bất kỳ nhóm các tổ chức tài chính đã được điều chỉnh nào.* Các quốc gia cũng cần tính đến việc yêu cầu các tổ chức tài chính của họ từ chối tham gia hoặc duy trì mối quan hệ với các ngân hàng đó và không cho phép việc thiết lập quan hệ với các tổ chức tài chính nước ngoài mà tài khoản của họ có thể được sử dụng bởi các ngân hàng nói trên.

Ngoài ra, khoản 5 và khoản 6 Điều 52 Công ước yêu cầu các quốc gia phải xem xét thiết lập các hệ thống công khai tài chính đối với nhóm công chức nhất định, áp dụng chế tài đối với hành vi vi phạm; đồng thời có cơ chế chia sẻ thông tin cho cơ quan có thẩm quyền của quốc gia khác phục vụ hoạt động điều tra, thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các quốc gia áp dụng các biện pháp yêu cầu công chức có lợi ích, chữ ký hoặc quyền khác đối với một tài khoản nước ngoài phải báo cáo về sự liên quan của mình đối với tài khoản đó. Các biện pháp này bao gồm cả chế tài đối với hành vi vi phạm.

### **1.2. Quy định pháp luật của Việt Nam**

*- Về việc các tổ chức tài chính có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hợp lý để xác định, nhận dạng chủ sở hữu các tài khoản có giá trị lớn; tổ chức kiểm tra kỹ các tài khoản muốn được mở của cá nhân đang hoặc đã từng giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước, các thành viên trong gia đình hoặc người có liên quan.*

Pháp luật Việt Nam đã quy định tương đối đầy đủ cơ chế giám sát các cá nhân, tổ chức, cơ quan có giao dịch liên quan đến tiền, tài sản để phòng, chống rửa tiền. Cơ chế này nhấn mạnh yếu tố xác định và nhận dạng khách hàng, áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định căn cứ chủ sở hữu của các khoản tiền, tài sản có giá trị lớn; nhận dạng các giao dịch đáng ngờ.

Đối với việc kiểm tra, giám sát các tài khoản được mở, được duy trì hoặc nhân danh các cá nhân đang hoặc đã từng giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước, hay các thành viên trong gia đình boặc cộng sự thân thiết của người này, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể.

*- Về việc giám sát kỹ lưỡng các tài khoản, giao dịch đặc biệt và quy trình mở, duy trì, lưu giữ thông tin của tài khoản, giao dịch đó.*

Pháp luật Việt Nam đã có quy định về vấn đề này. Điều 16 Luật phòng, chống rửa tiền quy định các giao dịch sau đây phải có giám sát đặc biệt: Giao dịch với giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp; giao dịch với tổ chức, cá nhân tại quốc gia, vùng lãnh thổ nằm trong danh sách do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố nhằm chống rửa tiền hoặc danh sách cảnh báo. Các thông tin nhận biết khách hàng phải thường xuyên cập nhật trong suốt thời gian thiết lập quan hệ với khách hàng; báo dảm các giao dịch mà khách hàng đang tiến hành thông qua đối tượng báo cáo phù hợp với những thông tin đã biết về khách hàng, về hoạt động kinh doanh, về rủi ro và về nguồn gốc tài sản của khách hàng.

*- Về dảm bảo duy trì lưu giữ thông tin về các tài khoản, giao dịch và thông tin nhận dạng của khách hàng hoặc của chủ sở hữu được hưởng lợi.*

Vấn đề này đã được quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền. Theo đó, pháp luật Việt Nam quy định các tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau: Khách hàng mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch với tổ chức tài chính; khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn hoặc thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử mà thiếu thông tin về tên, địa chỉ, số tài khoản của người khởi tạo; có nghi ngờ giao dịch

hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền; có nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.

*- Về việc thành lập các ngân hàng không có sự hiện diện thực tế và không phải là chi nhánh của các định chế tài chính đã được điều chỉnh.*

Luật ngân hàng Nhà nước năm 2010, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) điều chỉnh nguyên tắc tổ chức, hoạt động, thành lập các tổ chức tài chính, tín dụng. Theo đó, việc thành lập các ngân hàng, tổ chức tín dụng và cấp phép hoạt động trên lĩnh vực tài chính, ngân hàng, giao dịch về tiền, tài sản được điều chỉnh bởi các quy định chi tiết, chặt chẽ trong pháp luật. Các văn bản pháp luật này cũng quy định về cơ chế kiểm soát, thanh tra, kiểm tra nội bộ, chế độ kế toán, kiểm toán với mục đích phòng ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng, tín dụng.

*- Về việc thiết lập hệ thống công khai tài chính đối với nhóm công chức nhất định và quy định chế tài đối với người không chấp hành; xem xét áp dụng biện pháp cần thiết cho phép cơ quan có thẩm quyền chia sẻ những thông tin này với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên khác để điều tra và thu hồi tài sản bất hợp pháp.*

Vấn đề này đã được quy định tại Điều 34 Luật phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018. Theo đó, hàng năm, cán bộ, công chức; sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; người ứng cử đại

biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải kê khai tài sản của bản thân và của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên (trong số các tài sản phải kê khai có tài sản, tài khoản ở nước ngoài); việc xác minh tài sản được tiến hành trong một số trường hợp nhất định, như: Khi xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử hoặc có hành vi tham nhũng; bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai trong một số trường hợp nhất định; người có nghĩa vụ kê khai tài sản nếu kê khai không trung thực sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật, nếu là người ứng cử thì sẽ bị loại khỏi danh sách bầu cử, người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn thì sẽ không được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ dự kiến.

Điều 13 Hướng dẫn 03-HD/UBKTTW ngày 15/3/2012 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về những điều Đảng viên không được làm đã quy định Đảng viên không được mở tài khoản ở nước ngoài trái quy định; tham gia hoạt động rửa tiền. Bên cạnh đó, vấn đề mở tài khoản ở nước ngoài còn được quy định chặt chẽ tại Luật ngân hàng nhà nước và Luật các tổ chức tín dụng.

Việc chia sẻ thông tin này với các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên khác được thực hiện theo quy định của các Điều ước quốc tế trong lĩnh vực dẫn độ, chuyển giao người bị kết án, tương trợ pháp lý mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

## 2. Các biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp

### 2.1. Yêu cầu của Công ước

Có 3 biện pháp thu hồi tài sản trực tiếp được quy định tại Điều 53 Công ước. Theo đó Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên:

(i) Cho phép quốc gia thành viên khác khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án để xác định quyền hay quyền sở hữu đối với tài sản có

được qua việc thực hiện các tội tham nhũng;

(ii) Cho phép Tòa án của mình yêu cầu người thực hiện tội phạm được quy định trong Công ước này phải bồi thường, đền bù cho quốc gia thành viên khác đã chịu thiệt hại từ tội phạm đó;

(iii) Cho phép Tòa án hay các cơ quan chức năng khác của mình khi ra quyết định tịch thu công nhận quốc gia thành viên có yêu cầu là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản có được do phạm tội tham nhũng (điểm c).

Quy định này của Công ước đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia thành viên phải có cơ chế cho phép Tòa án hay các cơ quan có thẩm quyền của mình khi ra quyết định tịch thu, công nhận tuyên bố của quốc gia thành viên khác về vấn đề chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản có được do phạm tội theo quy định của Công ước. Để thực hiện quy định này, các quốc gia cần rà soát pháp luật trong nước về vấn đề tài sản có được do phạm tội để xem đã có cơ chế công nhận các tuyên bố như vậy của các quốc gia khác hay chưa.

Như vậy, có thể thấy rõ, việc thực hiện các biện pháp trên của Công ước có thể yêu cầu phải ban hành hay sửa đổi pháp luật quy định về thủ tục tố tụng dân sự, hành chính hay quy định về quyền tài sản đặt ra các yêu cầu bắt buộc về nghĩa vụ phải thực hiện các biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp khác.

### 2.2. Quy định pháp luật của Việt Nam

Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 quy định về thủ tục giải quyết việc dân sự. Trong đó, Tòa án có thẩm quyền giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và công nhận quyền được khởi kiện về vấn đề tài sản của cá nhân, tổ chức, cơ quan nước ngoài tại Việt Nam (Điều 465, Điều 469 BLTTDS năm 2015) và thẩm quyền riêng biệt của Tòa dân sự Việt Nam trong giải quyết các vụ án dân sự có yếu tố nước ngoài

liên quan đến đất đai, bất động sản tại Việt Nam (Điều 470 BLTTDS năm 2015). Theo đó, Tòa án của Việt Nam có thẩm quyền xử lý vụ việc dân sự liên quan đến việc xác định quyền hay quyền sở hữu đối với tài sản trên lãnh thổ Việt Nam; xác định sự kiện pháp lý xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam, giải quyết và xác định quyền đối với tài sản. Tòa án của Việt Nam cũng có thẩm quyền công nhận và cho thi hành án đối với bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án nước ngoài, thực hiện ủy thác dân sự của Tòa án (các điều 438 và 439 BLTTDS năm 2015).

Việc giải quyết tài sản trong vụ án hình sự được coi là giải quyết dân sự trong tố tụng hình sự và được tiến hành như đối với các vụ án dân sự.

Như vậy, pháp luật Việt Nam phù hợp với yêu cầu tại Điều 53 Công ước. Tuy vậy, cần tiếp tục ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể việc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết các yêu cầu tịch thu tài sản, thu hồi hoặc hoàn trả tài sản cho nước ngoài.

### **3. Hợp tác quốc tế vì mục đích tịch thu tài sản tham nhũng**

#### **3.1. Yêu cầu của Công ước**

Trên cơ sở nhận thức về tầm quan trọng của vấn đề hợp tác, tương trợ tư pháp quốc tế trong phòng, chống tham nhũng nói chung và thu hồi tài sản liên quan đến tham nhũng nói riêng, Công ước đã có những quy định tương đối cụ thể, chi tiết các cơ chế, biện pháp hợp tác.

Khoản 1 Điều 55 Công ước quy định các quốc gia thành viên Công ước khi nhận được yêu cầu tịch thu tài sản, công cụ, phương tiện liên quan đến tội phạm tham nhũng quy định tại Công ước từ một quốc gia thành viên khác có quyền tài phán đối với tội phạm đó, trong phạm vi rộng nhất mà pháp luật

quốc gia cho phép, phải: (i) Trình văn bản yêu cầu lên cơ quan có thẩm quyền để xin lệnh tịch thu và thi hành lệnh đó khi được cấp; (ii) trình cơ quan có thẩm quyền, với mục đích thực hiện trong phạm vi được yêu cầu, một lệnh tịch thu do một Tòa án của Quốc gia yêu cầu ban hành căn cứ khoản 1 Điều 31 và khoản 1 Điều 54 Công ước.

Để đảm bảo thực hiện quy định trên, khoản 2 Điều 55 Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên, theo văn bản yêu cầu của quốc gia thành viên khác có quyền tài phán với tội phạm được quy định theo Công ước, cần phải áp dụng các biện pháp để nhận dạng, truy tìm, phong tỏa hay thu giữ tài sản do phạm tội mà có, thiết bị hoặc công cụ khác nói tại khoản 1 Điều 31 Công ước.

Việc hợp tác theo Điều 55 Công ước có thể bị từ chối hoặc các biện pháp mang tính chất tạm thời có thể bị hủy bỏ nếu quốc gia được yêu cầu không nhận được chứng cứ một cách đầy đủ và đúng hạn, hoặc giá trị của tài sản là không đáng kể. Trước khi hủy bỏ các biện pháp tạm thời, quốc gia thành viên được yêu cầu sẽ tạo điều kiện để quốc gia yêu cầu có cơ hội trình bày lý do về việc nên tiếp tục áp dụng các biện pháp này.

#### **3.2. Quy định pháp luật của Việt Nam**

Luật pháp Việt Nam chưa có quy định cụ thể mà chỉ áp dụng BLTTDS năm 2015 để giải quyết việc xác định quyền sở hữu hoặc quản lý hợp pháp. Nếu không xác minh được quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp theo quy định của Bộ luật Dân sự, thì tài sản đó thuộc quyền sở hữu của Nhà nước CHXHCN Việt Nam và phải được tịch thu, sung công quỹ.

Việc áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện lệnh phong tỏa hoặc thu giữ tài sản theo lệnh, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên yêu cầu được thực

hiện theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia trong lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự. Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Toà án, đề nghị của Trọng tài nước ngoài được thực hiện theo quy định tại BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, đối với yêu cầu tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có do nước ngoài gửi đến Việt Nam gặp khó khăn trong việc thực hiện. Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 hiện chưa có quy định về trình tự, thủ tục phong tỏa, kê biên, thu giữ và trả lại tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp yêu cầu này do Tòa án nước ngoài ban hành. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng không có quy định về thủ tục, thẩm quyền chuyển hóa vào tố tụng hình sự trong nước để thực hiện và cũng chưa có quy định về việc công nhận các quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài liên quan đến việc phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản hoặc thực hiện việc phong tỏa, tạm giữ tài sản dựa trên một lệnh phong tỏa hoặc tạm giữ được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên có yêu cầu đối với tài sản thuộc diện phải tịch thu; chưa có quy định về áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu tài sản tại Việt Nam được xác định có nguồn gốc từ hành vi phạm tội ở nước ngoài. Đây là một trong những hoạt động tương trợ tư pháp phổ biến hiện nay trong khu vực Việt Nam đã là thành viên của các Công ước Liên hợp quốc về đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm ma túy hay tội phạm tham nhũng.

#### **4. Cơ chế thu bồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản tham nhũng**

##### **4.1. Yêu cầu của Công ước**

Để đảm bảo cơ sở pháp lý cho việc thực

hiện các quy định tại Điều 55, Điều 54 Công ước đề ra các biện pháp mà quốc gia thành viên cần áp dụng, trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc gia;

Điều 54 của Công ước đòi hỏi các quốc gia thành viên phải quy định các thủ tục cần thiết để đảm bảo việc tịch thu tài sản tham nhũng ở nước ngoài cũng như việc có thể áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiến hành thủ tục tịch thu hoặc có những biện pháp phòng ngừa thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu, theo đó các quốc gia thành viên phải cung cấp tương trợ tư pháp liên quan đến tài sản tham nhũng có được bằng cách sau:

(i) Cho phép các cơ quan có thẩm quyền công nhận hiệu lực thi hành đối với lệnh tịch thu do Toà án của quốc gia thành viên khác đưa ra;

(ii) Cho phép các cơ quan có thẩm quyền, trong phạm vi quyền tài phán, ra lệnh tịch thu tài sản có nguồn gốc nước ngoài theo phán quyết đối với tội rửa tiền hoặc các tội phạm khác thuộc thẩm quyền xét xử của cơ quan này hoặc theo các thủ tục khác được quy định trong pháp luật nước mình;

(iii) Cho phép các cơ quan có thẩm quyền phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản dựa trên một lệnh phong tỏa hoặc tạm giữ được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên có yêu cầu đối với tài sản thuộc diện phải tịch thu;

(iv) Cho phép các cơ quan có thẩm quyền của mình phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản khi có yêu cầu trong trường hợp có đủ căn cứ để thực hiện những hành động như vậy đối với tài sản bị tịch thu;

(v) Tịch thu không kết án hình sự, yêu cầu các quốc gia thành viên phải xem xét tiến hành các biện pháp cần thiết trên cơ sở phù hợp với pháp luật nước mình, để cho

phép tịch thu tài sản tham nhũng mà không cần có bản án hình sự trong các trường hợp không thể truy tố tội phạm vì lý do chết, lẩn trốn hoặc vắng mặt hoặc trong các trường hợp phù hợp khác.

#### 4.2. Quy định pháp luật của Việt Nam

Các hoạt động hợp tác về thu hồi tài sản được thực hiện trong khuôn khổ các hiệp định tương trợ tư pháp song phương hoặc các Điều ước quốc tế song phương, đa phương mà Việt Nam là thành viên.

Việc xác định tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam thuộc thẩm quyền của Toà án có thẩm quyền của Việt Nam (Điều 470, BLTTDS năm 2015). Việc thực hiện tịch thu tài sản theo yêu cầu của Công ước phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam tại Chương 36 BLTTDS năm 2015 về thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là quyết định, bản án hình sự của Toà án nước ngoài vẫn chưa được pháp luật Việt Nam quy định cho phép công nhận và cho thi hành tại Việt Nam.

Như vậy, về cơ bản, pháp luật Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu này của Công ước. Để phù hợp với yêu cầu của Công ước, Việt Nam cần nghiên cứu trình tự, thủ tục cho công nhận và thi hành phần dân sự trong quyết định, lệnh, bản án hình sự của Toà án nước ngoài, đặc biệt là vấn đề liên quan đến tịch thu, hoàn trả tài sản do phạm tội mà có mà người sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó là người ở phía nước ngoài có yêu cầu.

### 5. Hợp tác đặc biệt

#### 5.1. Yêu cầu của Công ước

Quy định về hợp tác đặc biệt tại Điều 56 Công ước nhắc lại nội dung tại khoản 4 Điều

46. Theo đó, Công ước khuyến khích các quốc gia thành viên chuyên thông tin về tài sản do phạm tội mà có cho quốc gia thành viên khác kể cả khi không có đề nghị từ trước nếu việc tiết lộ các thông tin này không làm cản trở việc điều tra, truy tố hoặc không làm phương hại đến pháp luật quốc gia của nước chuyên thông tin và sẽ giúp quốc gia nhận thông tin khởi xướng hoặc tiếp tục điều tra, truy tố hoặc xét xử hoặc sẽ dẫn đến một đề nghị tương trợ chính thức của quốc gia đó.

#### 5.2. Quy định pháp luật của Việt Nam

Hợp tác quốc tế trong hoạt động tố tụng hình sự được quy định tại các điều 491, 492, 507 và 508 của BLTTHS năm 2015. Theo đó, các hoạt động tương trợ tư pháp trong lĩnh vực hình sự có thể được thực hiện theo quy định ràng buộc của Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; hoặc thực hiện trên cơ sở có đi có lại, trên nguyên tắc không ảnh hưởng đến chủ quyền, lãnh thổ và xâm phạm an ninh của Việt Nam.

Về vấn đề chuyên vụ án, việc truy tố, xét xử hoặc thông tin về vụ án hình sự có liên quan đến tài sản do phạm tội mà có được quy định tại Điều 53 Công ước, pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể. Việt Nam chỉ có thể thực hiện trên nguyên tắc có đi, có lại theo quy định hiện hành của BLTTHS năm 2015.

### 6. Trả lại và xử lý tài sản

#### 6.1. Yêu cầu của Công ước

Theo khoản 1 Điều 57 Công ước quy định về việc xử lý tài sản bị tịch thu; việc xử lý tài sản có liên quan đến tội phạm tham nhũng đã bị tịch thu theo Điều 31 hoặc Điều 55, bao gồm cả việc trả lại chủ sở hữu hợp pháp, sẽ do quốc gia thành viên đã tiến hành tịch thu tài sản đó thực hiện theo quy định của Công ước và pháp luật quốc gia đó.

Khoản 2 Điều 57 Công ước quy định

quốc gia thành viên áp dụng biện pháp lập pháp hoặc các biện pháp cần thiết khác để cho phép cơ quan có thẩm quyền của mình trả lại tài sản bị tịch thu khi hành động theo yêu cầu của quốc gia thành viên khác.

Để thực thi quy định tại Điều 57 Công ước về các trường hợp và nghĩa vụ trả lại tài sản bị tịch thu: (i) Trong trường hợp tham ô công quỹ (Điều 17) hoặc tẩu nã tài sản có được do tham ô công quỹ (Điều 23), khi việc tịch thu được thực hiện theo Điều 55 Công ước và trên cơ sở bản án cuối cùng của quốc gia yêu cầu (quốc gia được yêu cầu có thể miễn điều kiện này), quốc gia được yêu cầu phải trả lại tài sản cho quốc gia yêu cầu. Như vậy, khi điều kiện về nội dung (Điều 17, Điều 23) và về thủ tục (Điều 55) được đáp ứng, quốc gia đã tiến hành tịch thu tài sản có nghĩa vụ trả lại tài sản cho quốc gia đã yêu cầu tịch thu; (ii) Khi việc tịch thu tài sản có được do phạm các tội quy định tại Công ước được thực hiện theo Điều 55 Công ước và trên cơ sở bản án cuối cùng của quốc gia yêu cầu (quốc gia được yêu cầu có thể miễn điều kiện này) quốc gia yêu cầu chứng minh được quyền sở hữu trước đó của mình đối với tài sản hoặc nếu quốc gia được yêu cầu coi thiệt hại đối với quốc gia yêu cầu là căn cứ để trả lại tài sản, thì quốc gia được yêu cầu phải trả lại tài sản cho quốc gia yêu cầu; (iii) Trường hợp khác, việc trả lại tài sản bị tịch thu cho quốc gia yêu cầu hoặc chủ sở hữu hợp pháp trước đó của tài sản hoặc bồi thường thiệt hại cho nạn nhân của tội phạm sẽ được quốc gia tịch thu coi là ưu tiên khi xem xét xử lý tài sản đó.

Quốc gia được yêu cầu có thể khấu trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử để dẫn đến việc trả lại hay xử lý tài sản bị tịch thu theo Điều 57 của Công ước.

Việc trả lại tài sản cho quốc gia thành

viên sở hữu trước đó theo quy định tại Điều 57 của Công ước là một vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp xét trên nhiều khía cạnh: Kỹ thuật, kinh tế, chính trị, xã hội... Vì vậy, Công ước khuyến nghị các quốc gia thành viên dành “sự quan tâm đặc biệt” nhằm đi đến các thoả thuận hoặc dàn xếp đối với từng vụ việc cụ thể để đưa ra quyết định xử lý cuối cùng đối với tài sản bị tịch thu.

## 6.2. Quy định pháp luật của Việt Nam

Nguyên tắc thu hồi, tịch thu tài sản tham nhũng, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp hoặc người quản lý hợp pháp hoặc sung quỹ nhà nước đã được quy định tại Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật PCTN.

Pháp luật Việt Nam quy định việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp hoặc người quản lý tài sản hợp pháp thông qua việc xử lý vụ án hình sự và dân sự của Toà án. Dù theo thủ tục tố tụng hình sự hay tố tụng dân sự thì pháp luật Việt Nam vẫn quy định bắt buộc việc xác minh, chứng minh nguồn gốc của tài sản, định giá trị tài sản là đối tượng được xử lý. Theo quy định nêu trên của Công ước, chủ sở hữu hợp pháp hoặc người quản lý hợp pháp tài sản được trao trả phải tiến hành chứng minh tài sản đó thuộc sở hữu hợp pháp hoặc quyền quản lý hợp pháp của mình trước Toà án có thẩm quyền của Việt Nam trong vấn đề xử lý tài sản.

Các Điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự hoặc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam ký kết, tham gia đều có quy định khấu trừ chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, trừ vụ việc cụ thể mà hai quốc gia có thoả thuận hoặc quy định khác.

## 7. Đơn vị tính báo tài chính

### 7.1. Yêu cầu của Công ước

Theo quy định tại Điều 58 Công ước, để tăng cường hợp tác phòng, chống việc



chuyển tài sản do phạm tội mà có, thúc đẩy cách thức và biện pháp nhằm thu hồi tài sản, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ xem xét việc thành lập đơn vị tình báo tài chính. Đơn vị này sẽ có nhiệm vụ tiếp nhận, phân tích và chuyển cho các cơ quan có thẩm quyền báo cáo về các giao dịch tài chính đáng ngờ.

Do tính chất quan trọng của vấn đề thu hồi tài sản có được do tham nhũng, cùng với các quy định tương đối chi tiết, toàn diện và mang tính nghiệp vụ, kỹ thuật cao về hợp tác quốc tế nhằm thu hồi tài sản tại Chương V Công ước, Điều 59 Chương V quy định: “Các quốc gia thành viên phải xem xét việc ký kết các thoả thuận hoặc dàn xếp song phương hoặc đa phương nhằm nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế theo quy định tại Chương này của Công ước”.

### 7.2. Quy định pháp luật của Việt Nam

Ngoài việc được quy định chung tại BLTTHS (Phần thứ tám về Hợp tác quốc tế), Luật PCTN (Chương VIII về hợp tác quốc tế về PCTN), vấn đề này được quy định tương đối cụ thể tại Luật phòng, chống rửa tiền. Theo đó, Điều 48 của Luật phòng, chống rửa tiền quy định về trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền; Điều 47 quy định về nội dung hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền; Điều 46 quy định về nguyên tắc hợp tác quốc tế.

Về đơn vị tình báo tài chính, pháp luật Việt Nam đã có quy định về vấn đề này tại Luật phòng, chống rửa tiền về trách nhiệm của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là tổ chức đầu mối theo quy định của Chính phủ để thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ về các giao dịch và các thông tin khác theo quy định của Luật

này nhằm phục vụ việc phân tích, chuyển giao thông tin về hành vi rửa tiền (Điều 37).

### 8. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật của Việt Nam về thu hồi tài sản tham nhũng theo yêu cầu của Công ước

Đối chiếu với các quy định cụ thể của Công ước về thu hồi tài sản, bước đầu có thể thấy các văn bản quy phạm pháp luật trong nước có liên quan về cơ bản gồm: Luật tương trợ tư pháp, Luật PCTN, Bộ luật Hình sự, BLTTHS, Luật thi hành án dân sự, Luật tổ tụng hành chính, BLTTDS và các văn bản hướng dẫn thi hành của các luật này.

Về việc Công ước yêu cầu các quốc gia thành viên phải cung cấp cho nhau các biện pháp hợp tác và trợ giúp rộng rãi nhất trong việc thu hồi tài sản do phạm các tội về tham nhũng quy định theo Công ước mà có, vấn đề này đã được quy định tại Luật PCTN. Theo đó, Điều 91 quy định nội dung hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản như sau:

“1. Trên cơ sở điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, tịch hoặc thu hồi tài sản tham nhũng và trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp.

2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan Trung ương về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng trong tổ tụng hình sự; tiếp nhận, xử lý yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài về thu hồi tài sản tham nhũng và đề nghị nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam.

3. Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và cơ quan nhà nước có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn

của mình, có trách nhiệm phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng”.

Như vậy, về cơ bản, pháp luật Việt Nam đáp ứng được yêu cầu của Công ước. Tuy nhiên, đây mới chỉ là quy định chung; trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng cũng như việc thực thi Công ước, cần hoàn thiện pháp luật theo hướng sau:

*Một là, hoàn thiện quy định pháp luật về thu hồi tài sản tham nhũng.*

- Bổ sung các quy định cụ thể, chi tiết hơn về vấn đề thu hồi tài sản trong Luật PCTN (Singapore có đạo luật riêng về thu hồi tài sản).

- Sửa đổi Bộ luật Hình sự theo hướng chú trọng hơn nữa đến vấn đề thu hồi tài sản tham nhũng, tăng mức hình phạt tiền, giam hình phạt tù có thời hạn và các hình phạt khác đối với đối tượng có hành vi tham nhũng nhưng chủ động khai báo, khắc phục hậu quả.

- Quy định không chỉ người phạm tội mới có nghĩa vụ trả lại tài sản mà bất kỳ ai đang chiếm hữu không có căn cứ hợp pháp cũng có nghĩa vụ trả lại tài sản, quy định này nhằm tạo điều kiện cho cơ quan nhà nước có thể thu hồi lại tài sản đã bị chiếm đoạt do hành vi tham nhũng nhưng đã bị tẩu tán.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng Luật Đăng ký tài sản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý nhà nước đối với tài sản, kiểm soát sự biến động và nguồn gốc tài sản, qua đó phát hiện tham nhũng cũng như hiện tượng tẩu tán tài sản, đồng thời hỗ trợ cho việc thi hành án thu hồi tài sản tham nhũng.

- Quy định các giao dịch lớn phải thực hiện qua tài khoản để nhà nước có thể kiểm soát, đấu tranh với hành vi rửa tiền, chuyển tài sản tham nhũng cho người khác.

- Tiếp tục nghiên cứu một cách toàn diện

để có các phương án kiểm soát tài sản, thu nhập của toàn xã hội thông qua các công cụ quản lý, nhất là thuế, tiến tới việc mọi khoản chi có giá trị lớn, các tài sản có giá trị của bất kỳ ai trong xã hội đều phải được giải thích rõ nguồn gốc.

- Hoạt động thanh tra, phát hiện sai phạm cần tập trung làm rõ những dấu hiệu của hành vi tham nhũng để kịp thời có biện pháp ngăn chặn việc tẩu tán tài sản của người bị nghi ngờ có hành vi tham nhũng ngay trong quá trình tiến hành thanh tra; nghiên cứu giao thêm chức năng điều tra cho các cơ quan thanh tra để tạo điều kiện phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

*Hai là, hoàn thiện quy định pháp luật đáp ứng yêu cầu của Công ước về thu hồi tài sản tham nhũng.*

- Hoàn thiện cơ chế thu hồi tài sản tham nhũng bao gồm nghiên cứu, đề xuất bổ sung thi hành án phần dân sự trong bản án hình sự của tòa án nước ngoài; hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng; sửa đổi, bổ sung các quy định về minh bạch tài sản, thu thập và nghiên cứu, đề xuất các biện pháp kiểm soát có hiệu quả tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghiên cứu, xem xét ban hành văn bản pháp luật quy định cụ thể về việc kiểm tra, giám sát các tài khoản được mở, duy trì hoặc nhân danh các cá nhân đang hoặc đã từng giữ chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước, hay các thành viên trong gia đình của người có chức vụ, quyền hạn.

- Nghiên cứu, xem xét ban hành các văn bản pháp luật hướng dẫn cụ thể việc các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết các yêu cầu tịch thu tài sản, thu bồi hoặc hoàn trả tài sản cho nước ngoài. Trong đó, quy định cụ thể trách nhiệm của các cơ quan Bộ

Công an, Bộ Tư pháp, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Toà án nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước trong phối hợp để giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc tịch thu, thu hồi, hoàn trả tài sản cho quốc gia thành viên có yêu cầu. Việt Nam cũng cần nghiên cứu, ban hành các quy định pháp luật cần thiết nhằm áp dụng các biện pháp cần thiết cho phép các cơ quan có thẩm quyền công nhận hiệu lực thi hành đối với lệnh tịch thu tài sản được đưa ra bởi một Toà án của quốc gia thành viên khác.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục phong tỏa, kê biên, thu giữ và trả lại tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp yêu cầu này do Tòa án nước ngoài ban hành trong BLTTHS. Bên cạnh đó cũng cần nghiên cứu quy định về thủ tục, thẩm quyền chuyên hóa vào tổ tụng hình sự trong nước để thực hiện. Đồng thời, quy định việc công nhận các quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài liên quan đến việc phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản hoặc thực hiện việc phong tỏa, tạm giữ tài sản dựa trên một lệnh phong tỏa hoặc tạm giữ được ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên có yêu cầu đối với tài sản thuộc diện phải tịch thu; nghiên cứu, xem xét quy định về áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu tài sản tại Việt Nam được xác định có nguồn gốc từ hành vi phạm tội ở nước ngoài.

- Nghiên cứu trình tự, thủ tục cho công nhận và thi hành phần dân sự trong quyết định, lệnh, bản án hình sự của Tòa án nước ngoài, đặc biệt là vấn đề liên quan đến tịch thu, hoàn trả tài sản do phạm tội mà có mà người sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp tài sản đó là người nước ngoài.

Bên cạnh việc hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này, nhằm thực hiện có

hiệu quả các yêu cầu của Công ước về thu hồi tài sản tham nhũng, cần đẩy mạnh một số hoạt động sau đây:

- Nghiên cứu các quy định của Công ước về thu hồi tài sản tham nhũng; phổ biến để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, đặc biệt là các cơ quan tham gia trực tiếp vào việc thực hiện các yêu cầu về thu hồi tài sản hiểu và nắm rõ các quy định của Công ước về thu hồi tài sản tham nhũng; đẩy mạnh trao đổi, học hỏi thêm kinh nghiệm quốc tế về việc hoàn thiện các quy định pháp luật trong nước, tổ chức thực hiện các quy định của Công ước về thu hồi tài sản tham nhũng; tổ chức hệ thống, rà soát, đối chiếu đánh giá các quy định pháp luật hiện hành với các quy định của Công ước để có đề xuất sửa đổi, bổ sung hay ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm thực hiện Công ước; đề xuất cơ chế phối hợp tổ chức thực hiện các yêu cầu về thu hồi tài sản theo khuôn khổ Công ước; rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện cho kỳ đánh giá vừa qua. Các bộ, ban, Ngành chủ động xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho kỳ đánh giá việc thực thi các quy định về thu hồi tài sản tại chu kỳ đánh giá tiếp theo về thực thi Công ước của Việt Nam.

Như vậy, qua nghiên cứu các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng theo yêu cầu của Công ước, có thể thấy đã có sự tương đồng giữa các biện pháp của Việt Nam quy định trong các văn bản pháp luật và đang tổ chức thực hiện với những yêu cầu của Liên hợp quốc về thu hồi tài sản tham nhũng. Điều này tạo thuận lợi rất lớn cho Việt Nam trong việc thực thi các nghĩa vụ của một nước thành viên. Những điểm khác nhau giữa quy định của Việt Nam và yêu cầu của Công ước đã được Việt Nam nhận thức đầy đủ và đang tiến hành nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. □